

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 52/2018/TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2018

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, Thông tư số 108/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/7/2017 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đầu tư;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Thông tư số 108/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/1/2016 của Bộ Tài chính như sau:

1. Khoản 1 Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Thông tư này quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư của các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn trái phiếu Chính phủ); các dự án đầu tư sử dụng nhiều nguồn vốn khác nhau trong đó có sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước thì phần nguồn vốn ngân sách nhà nước của dự án được thực hiện theo quy định tại Thông tư này (sau đây gọi chung là dự án)”.

2. Khoản 2 Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Thông tư này không áp dụng đối với các dự án đầu tư thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020; các dự án đầu tư của cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài; các dự án bí mật nhà nước thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Đối với vốn đầu tư của ngân sách nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư (PPP): trình tự, thủ tục, hồ sơ thanh toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước tham gia thực hiện dự án được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 55/2016/TT-BTC ngày 23/3/2016 của Bộ Tài chính quy định một số nội dung về quản lý tài chính đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư và chi phí lựa chọn nhà đầu tư; Thông tư số 75/2017/TT-BTC ngày 21/7/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi một số Điều của Thông tư số 55/2016/TT-BTC ngày 23/3/2016 của Bộ Tài

chính và Thông tư số 30/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi một số Điều của Thông tư số 75/2017/TT-BTC ngày 21/7/2017 của Bộ Tài chính. Các nội dung khác về quản lý, thanh toán vốn đầu tư được thực hiện theo các quy định tại Thông tư này.

Đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, nội dung kiểm soát chi, thủ tục rút vốn và quản lý rút vốn được thực hiện theo quy định tại Chương IV, Thông tư số 111/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài. Các nội dung khác về quản lý, thanh toán vốn đầu tư thực hiện theo các quy định tại Thông tư này”.

3. Khoản 1 Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Nguyên tắc tạm ứng vốn:

a) Đối với các công việc thực hiện thông qua hợp đồng, bên giao thầu (chủ đầu tư) tạm ứng vốn cho bên nhận thầu (nhà thầu) để thực hiện các công tác chuẩn bị cần thiết trước khi triển khai thực hiện các công việc theo hợp đồng. Mức vốn tạm ứng, thời điểm tạm ứng và các nội dung khác để đảm bảo việc thu hồi tạm ứng do chủ đầu tư thống nhất với nhà thầu theo đúng quy định và phải được quy định rõ trong hợp đồng.

b) Việc tạm ứng vốn được thực hiện sau khi hợp đồng có hiệu lực, đồng thời chủ đầu tư đã nhận được bảo lãnh tạm ứng hợp đồng của nhà thầu (đối với trường hợp phải có bảo lãnh tạm ứng) với giá trị tương đương của khoản tiền tạm ứng. Riêng đối với hợp đồng thi công xây dựng, nếu có giải phóng mặt bằng thì phải có cả kế hoạch giải phóng mặt bằng theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng theo quy định tại Khoản 2, Điều 18 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.

c) Trường hợp các bên thỏa thuận tạm ứng ở mức cao hơn mức tạm ứng tối thiểu nêu tại điểm a, khoản 3 Điều 8 Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/1/2016

của Bộ Tài chính, thì phần giá trị hợp đồng tương ứng với mức tạm ứng hợp đồng vượt mức tạm ứng tối thiểu sẽ không được điều chỉnh giá kể từ thời điểm tạm ứng.

d) Căn cứ vào nhu cầu tạm ứng vốn chủ đầu tư có thể được tạm ứng vốn một lần hoặc nhiều lần cho một hợp đồng nhưng không vượt mức vốn tạm ứng theo quy định của hợp đồng và mức vốn tạm ứng quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/1/2016 của Bộ Tài chính; trường hợp kế hoạch vốn bố trí trong năm không đủ mức vốn tạm ứng theo hợp đồng thì chủ đầu tư được tạm ứng tiếp trong kế hoạch năm sau.

đ) Chủ đầu tư có trách nhiệm cùng với nhà thầu tính toán mức tạm ứng hợp lý tuân thủ theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/1/2016 của Bộ Tài chính, quản lý việc sử dụng vốn tạm ứng đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả và có trách nhiệm hoàn trả đủ số vốn đã tạm ứng theo quy định.

e) Đối với các công việc thực hiện không thông qua hợp đồng, việc tạm ứng vốn được thực hiện sau khi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư. Căn cứ vào nhu cầu tạm ứng vốn, chủ đầu tư có thể được tạm ứng vốn một lần hoặc nhiều lần đảm bảo không vượt mức vốn tạm ứng tối đa theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/1/2016 của Bộ Tài chính. Trường hợp kế hoạch vốn bố trí trong năm không đủ mức vốn tạm ứng tối đa so với dự toán được duyệt thì chủ đầu tư được tạm ứng tiếp trong kế hoạch năm sau”.

4. Gạch đầu dòng thứ nhất Khoản 5, Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“- Vốn tạm ứng được thu hồi qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng, mức thu hồi từng lần do chủ đầu tư thống nhất với nhà thầu và quy định cụ thể trong hợp đồng và đảm bảo thu hồi hết khi giá trị thanh toán (bao gồm cả tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) đạt 80% giá trị hợp đồng.”

5. Khoản 6, Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“- Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản đơn đốc các chủ đầu tư thực hiện đúng quy định về việc thu hồi vốn tạm ứng, phối hợp với chủ đầu tư thực hiện kiểm tra số vốn đã tạm ứng để thu hồi những khoản tồn đọng chưa sử dụng hoặc sử dụng không

đúng mục đích. Kho bạc Nhà nước chịu trách nhiệm kiểm tra số dư tạm ứng để đảm bảo thu hồi hết số vốn đã tạm ứng khi giá trị thanh toán (bao gồm cả tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) đạt 80% giá trị hợp đồng.

- Trước ngày 05 của tháng đầu tiên quý tiếp theo, các chủ đầu tư lập báo cáo đánh giá tình hình tạm ứng và thu hồi tạm ứng vốn đầu tư theo từng dự án gửi Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản và cơ quan cấp trên của chủ đầu tư, báo cáo nêu rõ số dư tạm ứng quá hạn chưa được thu hồi đến thời điểm báo cáo và nêu rõ các lý do, các khó khăn vướng mắc trong quá trình thu hồi số dư tạm ứng quá hạn nêu trên (nếu có), đồng thời đề xuất biện pháp xử lý.

- Hằng quý, trước ngày 15 của tháng đầu quý sau (riêng quý IV trước ngày 10 tháng 02 năm sau), Kho bạc Nhà nước các cấp lập báo cáo đánh giá tình hình tạm ứng và thu hồi tạm ứng vốn đầu tư của các Bộ, ngành và địa phương gửi cơ quan Tài chính đồng cấp, trong báo cáo phân loại rõ số dư tạm ứng quá hạn chưa được thu hồi đến thời điểm báo cáo và nêu rõ các lý do, các khó khăn vướng mắc trong quá trình thu hồi số dư tạm ứng quá hạn nêu trên (nếu có), đồng thời đề xuất biện pháp xử lý. Đối với dự án do các Bộ, ngành quản lý, trên cơ sở báo cáo của Kho bạc Nhà nước, Bộ Tài chính có văn bản gửi các Bộ, ngành để có biện pháp xử lý số dư tạm ứng quá hạn chưa thu hồi. Đối với dự án thuộc Ủy ban nhân dân các cấp quản lý, Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp để có biện pháp xử lý số dư tạm ứng quá hạn chưa thu hồi.

- Thời hạn thu hồi tạm ứng:

Đối với các công việc của dự án thực hiện theo hợp đồng: vốn tạm ứng chưa thu hồi nếu quá thời hạn 03 tháng kể từ thời điểm phải thu hồi tạm ứng theo quy định của hợp đồng mà nhà thầu chưa thực hiện hoặc khi phát hiện nhà thầu sử dụng sai mục đích, chủ đầu tư có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Kho bạc Nhà nước để thu hồi hoàn trả vốn đã tạm ứng cho ngân sách nhà nước. Trường hợp chủ đầu tư chưa thu hồi, Kho bạc Nhà nước có văn bản đề nghị chủ đầu tư thu hồi của nhà thầu hoặc đề nghị chủ đầu tư yêu cầu tổ chức tín dụng phát hành bảo lãnh hoàn trả tiền tạm ứng